

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 25-7-2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Văn Trường.

- Bà Nguyễn Thị Việt Ngừ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: số 112 ấp A, xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị Trúc L trình bày:

Bà L và ông Trần Văn L cưới nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L không chăm lo gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà và ông L không còn sống chung sống cách nay đã ba năm. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông L có một người con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 25/4/2011 hiện con đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn L: Không có lời khai.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Trần Văn L nhưng ông Trần Văn L không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ hòa giải cho ông Trần Văn L (bút lục số 36 và 40) nhưng ông L vẫn không có mặt để tham gia.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông L, giao con cho bà L nuôi dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Trần Văn L. Nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn L

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Trúc L và ông Trần Văn L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng qua kết quả xác minh, thu thập tài liệu cho thấy bà L và ông L thực tế có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không chung sống với nhau (bút lục 32). Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay gần hai năm nhưng vẫn không thể giải quyết để hàn gắn được, cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nếu tiếp tục kéo dài cũng không có hạnh phúc, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà L và ông L ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà L và ông L có 01 người con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 25/4/2011, hiện con đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N còn nhỏ, hiện cháu sống với bà L nên giao cháu N cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, theo quy định pháp luật người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Thái Thị Trúc L khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Thái Thị Trúc L là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thái Thị Trúc L được L hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 25/4/2011 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Thái Thị Trúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0008123 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng